

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **35/2018/DS-ST**

Ngày: 28/11/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hậu và ông Nguyễn Văn Vy.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phương Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế (số 60 Nguyễn Huệ - Huế) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 176/2018/DSST ngày 09/7/2017; Về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 911/2018/QĐST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân T. Địa chỉ: Số nhà 52 đường T, phường T, thành phố Huế.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Trọng K: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Địa chỉ: Số nhà 44 đường L, phường T, thành phố Huế, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Dương Thị Thu T: Phó giám đốc quỹ tín dụng T. Địa chỉ: Số nhà 52 đường T, phường T, thành phố Huế (văn bản uỷ quyền số 01/GUQ/QTL ngày 14/9/2018), có mặt.

Bị đơn: Bà Đinh Thị H. Địa chỉ: Số nhà 23/33 đường Đ, phường P, thành phố Huế, vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Anh V. Địa chỉ: Số nhà 23/33 đường Đ, phường P, thành phố Huế, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đều trình bày:

Ngày 29/5/2015, giữa Quỹ tín dụng nhân dân T và bà Đinh Thị H đã ký kết hợp đồng tín dụng số 525/HĐTD ngày 29/5/2015 chi tiết như sau: Số tiền vay: 35.000.000 VNĐ (Ba mươi lăm triệu đồng); Lãi suất trong hạn: 1%/tháng; Lãi suất vay quá hạn 1,5%/tháng; Thời hạn vay: 12 tháng; Mục đích vay: làm vốn buôn bán; Phương thức thanh toán: Trả góp hàng ngày. Sau khi vay xong thì bà Huyền đã không thực hiện đúng cam kết dẫn đến nợ quá hạn. Số tiền chuyển nợ quá hạn là 33.408.800 đồng.

Quá trình Quỹ tín dụng nhân dân T tiến hành thu nợ, trong thời gian từ ngày 01/6/2015 đến ngày 08/6/2018, bà Huyền đã trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T được tổng số tiền nợ gốc là 13.591.200 đồng, nợ lãi là 208.800 đồng. Hiện bà Huyền còn nợ số tiền nợ gốc là 21.408.800 đồng, nợ lãi là 19.152.200 đồng. Tổng cộng bà Huyền còn nợ của Quỹ tín dụng nhân dân T tính đến ngày 28/11/2018 là 40.561.000 đồng.

Quỹ tín dụng nhân dân T khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Đinh Thị H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền nợ gốc là 21.408.800 đồng, nợ lãi là 19.152.200 đồng. Tổng cộng là 40.561.00 đồng và yêu cầu bà H trả thêm khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại, theo mức lãi suất hai bên đã thoả thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 29/11/2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Đinh Thị H không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án, không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà, bà Huyền vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/9/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trương Anh V trình bày: Ông đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, ông xác nhận số tiền nợ tính đến ngày 15/8/2018 mà bà Huyền còn nợ của Quỹ tín dụng nhân dân T tổng cộng là 37.761.100 đồng, trong đó nợ gốc là 21.408.800 đồng, nợ lãi là 16.352.300 đồng. Bà H hiện đang vào Đà Nẵng làm ăn, mỗi tuần về một lần và ông đã giao ngay các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà H.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân T yêu cầu bà Đinh Thị H phải số tiền 21.408.800 đồng, nợ lãi là 16.352.300 đồng, tổng cộng là 37.761.100 đồng, thì vợ chồng ông xin được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên do hành cảnh gia đình đang gặp khó khăn.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Anh V không đến Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà, ông Việt vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quyền và nghĩa vụ của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã không thực hiện đúng các quy định tại khoản 16 Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điểm a Điều 39, Điều 147; Điều 280, Điều 466, 468, Điều 468 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T, buộc bà Đinh Thị H và ông Trương Anh V phải thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử.

Buộc bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quỹ tín dụng nhân dân T (sau đây gọi tắt là Quỹ tín dụng) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Đinh Thị H, nơi cư trú: 23/33 đường Đ, phường P, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế phải trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đây là tranh chấp hợp đồng dân sự nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bà Đinh Thị H và ông Trương Anh V đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông V.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo các tài liệu do Quỹ tín dụng cung cấp có trong hồ sơ vụ án và qua lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Trương Anh V, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 525/HĐTD ngày 29/5/2015 giữa Quỹ tín dụng và bà Đinh Thị H thì bà Đinh Thị H có vay của Quỹ tín dụng số tiền 35.000.000 VNĐ (Ba mươi lăm triệu đồng); lãi suất trong hạn: 1%/tháng; lãi suất vay quá hạn 1,5%/tháng; thời hạn vay: 12 tháng; hợp đồng đã được hai bên ký tên xác nhận, theo giấy chứng nhận đăng ký quỹ tín dụng nhân dân số 3107000012 thì Quỹ tín dụng T có tư cách pháp nhân, thực hiện hoạt động tín dụng theo khoản 5 Điều 6 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 do đó xác định hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 01/7/2015 bà Đinh Thị H đã trả cho Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc 1.591.200 đồng, nợ lãi 208.800 đồng, sau đó bà H không tiếp tục trả. Do bà H không trả tiền nên theo điểm 2.3 khoản 2 Điều 7 của hợp đồng tín dụng số 525/HĐTD, số tiền mà bà H chậm trả được chuyển sang nợ quá hạn tính đến ngày 29/5/2016 là 33.408.800 đồng. Thời gian sau này, bà H có trả tiền cho Quỹ tín dụng nhiều lần với tổng số tiền 12.000.000 đồng. Tính đến ngày 08/6/2018 bà H đã trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T được tổng cộng nợ gốc là 13.591.200 đồng, nợ lãi là 208.800 đồng. Do đó, có cơ sở khẳng định bà H còn nợ của Quỹ tín dụng số tiền gốc là 21.408.800 đồng. Đối với số tiền nợ lãi 19.152.200 đồng trên số nợ gốc, nhận thấy lãi suất theo thỏa thuận các bên là phù hợp theo quy định tại điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên cần chấp nhận.

Như vậy, tính đến thời điểm ngày 28/11/2018, bà H còn nợ của Quỹ tín dụng số tiền gốc là 21.408.800 đồng, nợ lãi là 19.152.200 đồng, tổng cộng là 40.561.000 đồng. Nhận thấy, bà H vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 và Điều 466 Bộ luật dân sự nên hội đồng xét xử cần buộc bà H phải trả toàn bộ số tiền trên cho Quỹ tín dụng.

Xét thấy, ông Trương Anh V là chồng của bà Đinh Thị H có thừa nhận việc bà H có giao dịch vay tiền và còn nợ tiền đối với Quỹ tín dụng, nên ông V phải chịu trách nhiệm, nghĩa vụ liên đới đối với giao dịch của bà H theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cần buộc ông Trương Anh V có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Đinh Thị H trả tiền cho Quỹ tín dụng.

Đối với ý kiến của ông Trương Anh V được trả nợ dần hàng tháng với số tiền 500.000đồng/tháng cho đến khi trả hết số tiền. Tại phiên tòa hôm nay, Quỹ tín dụng đồng ý với ý kiến của ông V về việc xin được trả nợ dần hàng tháng với mức 500.000 đồng/ tháng cho đến khi hết số nợ trên. Tuy nhiên, do bà H vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không có cơ sở công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.028.050 đồng (40.561.000đồng x 5%).

- Quỹ tín dụng nhân dân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 950.000đồng (Chín

trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 005849 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, 351, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T. Buộc bà Đinh Thị H và ông Trương Anh V phải có nghĩa vụ thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền nợ tổng cộng gồm 40.561.000 đồng (trong đó nợ gốc là 21.408.800 đồng, nợ lãi là 19.152.200 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Đinh Thị H và ông Trương Anh V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Quỹ tín dụng nhân dân T thì lãi suất mà bà Đinh Thị H và ông Trương Anh V phải tiếp tục thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Quỹ tín dụng nhân dân T.

[2]. Về án phí:

- Bà Đinh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.028.050 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi tám ngàn không trăm năm mươi đồng).

- Quỹ tín dụng nhân dân T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp gồm 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 005849 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2004; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận

- TAND tỉnh TTHuế;
- VKSND thành phố Huế;
- Chi cục Thi hành án TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu dân.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Huế